TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hòe và ông Phạm Xuân Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Thanh H, sinh năm 1976; địa chỉ: Bon K (thôn 3 cũ), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị I, sinh năm 1975; địa chỉ: Bon K (thôn 3 cũ), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Thanh H trình bày: Ông H và bà I chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 và không đăng ký kết hôn; thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng; trong thời gian chung sống ông bà có một con chung là anh Cao

Thanh Cường, sinh ngày 20/12/1998, anh Cường đã thành niên và không bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thuộc trường hợp phải cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Ông Cao Thanh H và bà Bùi Thị I tự thỏa thuận về tài sản chung và không nợ chung đối với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị I trình bày: Việc chung sống và có con chung giữa bà và ông H như ông H đã trình bày, bà không trình bày gì thêm. Bà I đồng ý đối với yêu cầu của ông H về không công nhận ông bà là vợ chồng; về con chung là anh Cường đã thành niên nên bà không có yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung và không nợ chung đối với ai.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Ông Cao Thanh H và bà Bùi Thị I chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông bà là vợ chồng; con chung của ông bà đã thành niên, ông bà không yêu cầu phân chia tài sản chung và không nợ chung với ai nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Cao Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Bùi Thị I là vợ chồng; Ông H và bà I không đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật Tòa án giải quyết là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*". Bà Bùi Thị I cư trú tại Bon K (thôn 3 cũ), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của ông H và bà I và xác nhận của của chính quyền địa phương nơi ông bà cư trú, Hội đồng xét xử căn cứ xác định ông H và bà I chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1998; trong thời gian chung sống ông bà thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau và không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, ông H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà I là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 11; Điều

87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (hiện nay là khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

[3]. Về nuôi con chung: Ông H và bà I có một con chung đã thành niên, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà I không yêu cầu phân chia tài sản chung và cho rằng không nợ chung đối với ai nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Cao Thanh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11, Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Cao Thanh H và bà Bùi Thị I là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Cao Thanh H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003844 ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Glong;*
- *Chi cục THA.DS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân